

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2021/HS-ST**
Ngày: 04-02-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thanh Hương – Chuyên viên Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Xuân Lộc.

2. Bà Bùi Thanh Bình – Giáo viên Trường THPT Xuân Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 171/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đức D**, sinh năm: 1986, tại Lâm Đồng; Nơi cư trú: khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: chăn nuôi thú y; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Đức B, sinh năm 1957 và bà: Nguyễn Thị D1, sinh năm 1962; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 05/8/2020 (có mặt tại phiên tòa).

2. **Thạch L**, sinh năm: 1990 tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: khóm VT, phường 2, thị xã E, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Khơ me; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Thạch L1, sinh năm 1965 và bà: Thạch Thị T, sinh năm 1970; vợ: Thái Thị Mỹ

L3, sinh năm 1995; con: có 02 người (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 05/8/2020 (có mặt tại phiên tòa).

3. **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm: 1977 tại Hưng Yên; Nơi cư trú: ấp 2B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc D3 (đã chết) và bà: Trần Thị Đ (đã chết); vợ: Lương Thị M, sinh năm 1980; con: có 02 người (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2004 (là bị cáo trong cùng vụ án)); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt từ ngày 05/8/2020, đến ngày 13/8/2020 bị cáo được tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

4. **Lương Thị M**, sinh năm: 1980 tại Thái Nguyên; Nơi cư trú: ấp 2B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn P, sinh năm 1959 và bà: Lâm Thị T, sinh năm 1962; chồng: Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1977; con: có 02 người (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2004 (là bị cáo trong cùng vụ án)); tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

5. **Nguyễn Phát T**, sinh ngày: 22/7/2004 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: ấp 2B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1977 và bà: Lương Thị M, sinh năm 1980; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp (đại diện theo pháp luật) của bị cáo Nguyễn Phát T: chị Nguyễn Thị Huyền M, sinh năm 2001. Địa chỉ: ấp 2B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phát T:* Luật sư Lê Văn U – Luật sư Văn phòng Luật sư Tâm Nam, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- *Bị hại:* Công ty cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Biên Hòa II, phường F, thành phố X, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Montri Suwanposri – Chức vụ: Tổng

giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn K, sinh năm: 1962. Địa chỉ: 578, khu phố 8, phường C, thành phố X, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 01/01/2020) (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông NLQ1, sinh năm: 1973. Nơi cư trú: ấp 2B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

2. Bà NLQ2, sinh năm: 1962. Nơi cư trú: ấp 2B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

3. Chị NLQ3, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: ấp Tân Bình 1, xã Lang Minh, huyện H, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

4. Anh NLQ4, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: ấp 5, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 00 giờ 40 phút ngày 05/8/2020, Công an xã A tiến hành tuần tra đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn xã A thì phát hiện xe mô tô biển số 60L9-9895 kéo rơ móc tự chế do Nguyễn Ngọc H điều khiển chở 25 bao cám và xe mô tô biển số 60FP-0071 do Nguyễn Phát T điều khiển chở 05 bao cám trên xe. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, Nguyễn Ngọc H và Nguyễn Phát T đã khai nhận như sau: Nguyễn Ngọc H, Lương Thị M (là vợ của H) và Nguyễn Đức D là quản lý trại heo B 5, địa chỉ: ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Nai có mối quan hệ quen biết với nhau ngoài xã hội. D và M đã bàn bạc, thống nhất về việc D sẽ trộm cắp cám heo của trại heo B 5 đem bán cho M với giá rẻ hơn giá thị trường (250.000 đồng/bao). Theo thỏa thuận, sau khi D và Thạch L là nhân viên của trại heo B 5 lấy trộm được cám trong kho của trại heo B 5 sẽ đưa qua tường rào phía sau trại heo rồi báo cho M biết để đến nhận cám rồi chở về nhà. Nội dung thỏa thuận giữa M và D được M nói cho H biết và H đã đồng ý. Sau đó, D và H đã trực tiếp tìm kiếm địa điểm và thống nhất sẽ đưa cám từ trại heo B 5 ra khu vực rẫy cao su phía sau trại heo để giao cho H. Cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Vào đêm khuya đầu tháng 7/2020, tại trại heo B 5, Nguyễn Đức D nói cho Thạch L biết ý định trộm cám của Trại heo B 5 để bán cho M và

rủ Thạch L tham gia thì Thạch L đồng ý. Sau khi D và Thạch L lén lút lấy trộm được 30 bao cám loại 550SF, trọng lượng mỗi bao 25kg trong kho của trại heo B 5 và đưa qua tường rào phía sau trại heo tại khu vực đã thỏa thuận trước với H, D điện thoại cho M thông báo địa điểm, số lượng bao cám để M báo cho Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Phát T (là con trai M) đến chở cám về nhà. Theo kế hoạch đã được bàn bạc, Nguyễn Ngọc H điều khiển xe mô tô biển số 60L9-9895 kéo rơ móc tự chế và Nguyễn Phát T điều khiển xe mô tô biển số 60FP-0071 đến nơi D giấu cám. Khi đến nơi, H và T lén lút chuyển 25 bao cám lên thùng xe rơ móc, phủ bạt lên để tránh bị người đi đường phát hiện, 05 bao cám còn lại chuyển lên xe mô tô của T rồi H và T điều khiển xe chở cám về nhà tại ấp 2B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, M đã gặp D để trả số tiền mua 30 bao cám là 7.500.000 đồng. D chia cho Thạch L số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại 6.500.000 đồng D sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Vụ thứ 2: Vào đêm khuya cuối tháng 7/2020, tại trại heo B 5, D và Thạch L lén lút lấy trộm được 30 bao cám loại 550SF, trọng lượng mỗi bao 25kg trong kho của trại heo B 5 rồi đưa qua tường rào phía sau trại heo tại khu vực đã thỏa thuận trước với H, rồi D điện thoại cho M thông báo địa điểm, số lượng bao cám để M báo cho Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Phát T đến chở cám về nhà. Theo kế hoạch đã được bàn bạc, Nguyễn Ngọc H điều khiển xe mô tô biển số 60L9-9895 kéo rơ móc tự chế và Nguyễn Phát T điều khiển xe mô tô biển số 60FP-0071 đến nơi D giấu cám. Khi đến nơi, H và T lén lút chuyển 25 bao cám lên thùng xe rơ móc, phủ bạt lên để tránh bị người đi đường phát hiện, 05 bao cám còn lại chuyển lên xe mô tô của T rồi H và T điều khiển xe chở cám về nhà tại ấp 2B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai. Sau đó, M đã gặp D để trả số tiền mua cám là 7.500.000 đồng. D chia cho Thạch L số tiền 1.000.000 đồng, số tiền còn lại 6.500.000 đồng D sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Do số lượng cám nhiều nên M đã đưa đến cho bà NLQ2, sinh năm 1962, trú tại ấp 2B, xã A, huyện H 20 bao cám để bà NLQ2 cho heo ăn.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 84/KL-HĐĐG, ngày 10/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện H kết luận: Giá trị sử dụng còn lại của 60 bao cám loại 550SF, trọng lượng mỗi bao 25 kg là 21.555.000 đồng.

Vụ thứ 3: Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 4/8/2020, D và Thạch L lén lút lấy trộm 30 bao cám loại 550SF, trọng lượng mỗi bao 25kg tại kho số 2 của trại heo B 5 rồi đưa qua hàng rào, cất giấu tại rẫy cao su phía sau trại heo. D điện thoại cho M thông báo địa điểm, số lượng bao cám để M báo cho Nguyễn Ngọc

H, Nguyễn Phát T đến chở cám về nhà. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, Nguyễn Ngọc H điều khiển xe mô tô biển số 60L9-9895 kéo rơ móc tự chế và Nguyễn Phát T điều khiển xe mô tô biển số 60FP-0071 đến khu vực D và Thạch L cất giấu cám. Khi đến nơi, H và T lên lút chuyển 25 bao cám lên thùng xe rơ móc, phủ bạt lên để tránh bị người đi đường phát hiện, 05 bao cám còn lại chuyển lên xe mô tô của T rồi điều khiển xe chở cám về nhà bà Lâm Thị NLQ2 tại ấp 2B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai để cất giấu. Đến khoảng 0 giờ 00 phút ngày 05/8/2020, khi H và T đang chở số cám trên thì bị Công an xã A tuần tra phát hiện.

* Tại bản kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐG, ngày 10/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận: Giá trị sử dụng còn lại của 30 bao cám loại 550SF, trọng lượng mỗi bao 25 kg là 10.777.500 đồng.

* Vật chứng vụ án:

- 30 (ba mươi) bao cám loại 550SF, trọng lượng mỗi bao 25 kg;
- 60 (sáu mươi) bao cám loại 550SF, trọng lượng mỗi bao 25 kg (không thu giữ được);
- 01 (một) xe mô tô biển số 60L9-9895 gắn rơ móc tự chế;
- 01 (một) xe mô tô biển số 60FP-0071;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen gắn sim số 0386.023.825;
- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen gắn sim số 0373.778.468;
- Số tiền 32.220.000 đồng do Lương Thị M tự nguyện giao nộp;
- Số tiền 2.000.000 đồng do bà Thạch Thị T1 (mẹ của Thạch L) tự nguyện giao nộp;
- Số tiền 15.000.000 đồng do bà Nguyễn Thị D1 (mẹ của Nguyễn Đức D) tự nguyện giao nộp;

* Xử lý vật chứng:

- 30 (ba mươi) bao cám loại 550SF, trọng lượng mỗi bao 25 kg là tài sản của Công ty cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản trên cho Công ty cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam. Nhận lại tài sản trên, ông Nguyễn Tuấn K

là đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam không yêu cầu gì về dân sự.

- 60 (sáu mươi) bao cám loại 550SF, trọng lượng mỗi bao 25 kg (không thu giữ được) là tài sản của Công ty cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam, các bị can đã thỏa thuận bồi thường cho Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam số tiền 32.220.000 đồng là giá trị của 60 (sáu mươi) bao cám loại 550SF. Nhận tiền bồi thường, ông Nguyễn Tuấn K là đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam không yêu cầu gì về dân sự.

- 01 (một) xe mô tô biển số 60L9-9895 gắn rơ móc tự chế; 01 (một) xe mô tô biển số 60FP-0071 là tài sản của anh NLQ1, sinh năm 1973, trú tại ấp 2B, xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai cho Nguyễn Ngọc H mượn làm phương tiện đi lại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại tài sản trên cho anh NLQ1. Nhận lại tài sản, anh Vương không yêu cầu gì về dân sự.

- Đối với số tiền 32.220.000 đồng do Lương Thị M tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả cho Công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam. Xác định số tiền mà M phải bồi thường là 15.220.000 đồng nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra Quyết định xử lý vật chứng, trả lại số tiền 17.000.000 đồng cho M.

* Tại bản cáo trạng số 181/CT-VKSXL ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức D, Thạch L, Nguyễn Ngọc H, Lương Thị M, Nguyễn Phát T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

* Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng và đề nghị: Tuyên bố các bị cáo, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D, Thạch L, Nguyễn Ngọc H, Lương Thị M, Nguyễn Phát T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Đức D 06 tháng đến 08 tháng tù; bị cáo Thạch L 06 tháng đến 08 tháng tù; bị cáo Nguyễn Ngọc H 04 tháng đến 06 tháng tù; bị cáo Lương Thị M 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Phát T 06 tháng đến 08 tháng cải tạo không giam giữ.

Luật sư Lê Văn U bào chữa cho bị cáo Nguyễn Phát T: Nhất trí với tội danh. Điều luật, tình tiết giảm nhẹ do kiểm sát viên nêu ra. Tuy nhiên đề nghị

cho bị cáo T được hưởng biện pháp tư pháp giáo dục tại xã, phường để tạo điều kiện cho bị cáo T phát triển, hoàn thiện tâm sinh lý trong môi trường lành mạnh.

Các bị cáo Nguyễn Đức D, Thạch L, Nguyễn Ngọc H, Lương Thị M, Nguyễn Phát T nói lời sau cùng: Đề nghị xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức D, Thạch L, Nguyễn Ngọc H, Lương Thị M, Nguyễn Phát T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào tháng 7/2020 và ngày 04/8/2020 tại trại heo B 5 thuộc ấp G, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Nai, các bị cáo Nguyễn Đức D, Thạch L, Nguyễn Ngọc H, Lương Thị M và Nguyễn Phát T đã có hành vi lén lút trộm cắp 90 bao cám loại 550SF, trọng lượng mỗi bao 25 kg của Công ty cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo định giá tài sản là 32.332.500 đồng.

Do đó, Cáo trạng truy tố các bị cáo Nguyễn Đức D, Thạch L, Nguyễn Ngọc H, Lương Thị M và Nguyễn Phát T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Đức D, Lương Thị M, Nguyễn Ngọc H, Thạch L, Nguyễn Phát T phạm tội 02 lần trở lên (điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự).

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Đức D, Lương Thị M, Nguyễn Ngọc H, Thạch L, Nguyễn Phát T tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại, một phần tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc

trường hợp ít nghiêm trọng; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự (điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự). Riêng bị cáo M và bị cáo Luôl là người dân tộc thiểu số, bị cáo Luôl có con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn (khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự).

[5] Về vai trò đồng phạm: Đây là vụ án có đồng phạm với tính chất giản đơn. Bị cáo Nguyễn Đức D có vai trò cao là người chủ mưu cũng là người thực hành; các bị cáo Thạch L, Nguyễn Ngọc H là người thực hành; các bị cáo Lương Thị M, Nguyễn Phát T là người giúp sức.

[6] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng, phù hợp với hành vi phạm tội, nhân thân, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe các bị cáo và để giáo dục, phòng ngừa chung.

[7] Trong vụ án, bị cáo Nguyễn Phát T vào thời điểm thực hiện hành vi phạm tội là người chưa thành niên (16 tuổi) nên áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Ngoài ra còn xem xét bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò thấp nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp nhằm mục đích giáo dục bị cáo, giúp bị cáo phát triển trở thành công dân có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Lương Thị M có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú cụ thể rõ ràng; trong vụ án này, gia đình của bị cáo M có 03 người là bị cáo, xét thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo M vô cùng khó khăn (gia đình có 03 người là cha, mẹ, con cùng phạm tội) và thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội theo quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng thêm Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo Lương Thị M được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Một phần tài sản bị chiếm đoạt (30 bao cám) đã được thu hồi trả lại cho Công ty C.P. Việt Nam, bên cạnh đó các bị cáo Nguyễn Đức D, Lương Thị M, Nguyễn Ngọc H, Thạch L, Nguyễn Phát T đã bồi thường giá trị phần tài sản bị

chiếm đoạt còn lại (số tiền 32.200.000 đồng) cho Công ty C.P. Việt Nam và Công ty không có yêu cầu gì khác nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, sim số 0386.023.825 của bị cáo Nguyễn Đức D và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, sim số 0373.778.468 của bị cáo Nguyễn Ngọc H – là công cụ để các bị cáo liên lạc thực hiện tội phạm nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[9] Đối với ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận phần phù hợp.

[10] Đối với ý kiến của luật sư có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận phần phù hợp.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đức D, Thạch L, Nguyễn Ngọc H, Lương Thị M, Nguyễn Phát T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[1] Về hình phạt:

[1.1] Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức D 05 (năm) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 05/8/2020.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Đức D đang bị tạm giam, nếu bị cáo D không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[1.2] Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 328 Bộ luật tố tụng hình

sự.

Xử phạt: Bị cáo Thạch L 05 (năm) tháng 29 (hai mươi chín) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 05/8/2020.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Thạch L đang bị tạm giam, nếu bị cáo Luôl không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[1.3] Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc H 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời hạn bị cáo đã bị tạm giam từ ngày 05/8/2020 đến ngày 13/8/2020).

[1.4] Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, khoản 1 Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lương Thị M 05 (năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lương Thị M cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[1.5] Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 36, Điều 38, Điều 58, Điều 100 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Phát T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Đồng Nai nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

[2] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, sim số 0386.023.825 của bị cáo Nguyễn Đức D và 01 (một) điện thoại

di động hiệu Nokia, màu đen, sim số 0373.778.468 của bị cáo Nguyễn Ngọc H (theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự huyện H).

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Đức D, Thạch L, Nguyễn Ngọc H, Lương Thị M, Nguyễn Phát T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về kháng cáo: Các bị cáo, người bào chữa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Bị cáo;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Thanh Phượng